

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 351/2017/HNGĐ-ST.

Ngày: 14 – 8 – 2017.

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Nguyễn Văn Mua.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Hồng C trú tại ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (*có mặt*).

2. Bị đơn: Chị Phạm Thị H nơi cư trú cuối cùng tại ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 5 năm 2017 kèm theo các tài liệu, chứng cứ và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phạm Hồng C trình bày: Trên cơ sở quen biết tìm hiểu được sự đồng ý của gia đình, anh Phạm Hồng C và chị Phạm Thị H tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 08/8/2007 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Sau lễ cưới, vợ chồng chung sống với gia đình anh C tại ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc. Đến ngày 19/5/2009, chị H bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú cuối cùng tại ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long cho đến nay mà không liên lạc được. Nên vào tháng 11/2016, anh C thông báo tìm kiếm chị H và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tuyên bố chị H mất tích để giải quyết

yêu cầu ly hôn giữa anh C và chị H. Về con chung, anh C xác định anh C và chị H không có con chung, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung, anh C xác định anh C và chị H không có tài sản chung và không nợ chung ai, anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm: Do chị Phạm Thị H là người đã bị tuyên bố mất tích không có mặt tại nơi cư trú cuối cùng nên Tòa án tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, chị H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ bằng hình thức niêm yết đến lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày của anh Phạm Hồng C cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở kết luận quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phạm Thị H là người đã bị tuyên bố mất tích, được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai bằng hình thức niêm yết mà vẫn tiếp tục vắng mặt. Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo thủ tục chung.

[3]. *Về hôn nhân:* Anh C và chị H là vợ chồng hợp pháp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh C trình bày do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến mất hạnh phúc, chị H bỏ đi biệt tích khỏi nơi cư trú cuối cùng tại ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Vĩnh Long kể từ ngày 19/5/2009 mà không liên lạc được. Chị H bị Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tuyên bố mất tích vào tháng 11/2016 theo yêu cầu của anh C để giải quyết ly hôn (BL: 18 – 27). Do đó, Tòa án căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho ly hôn giữa anh C và chị H.

[4]. *Các vấn đề về con chung, tài sản chung và nợ chung:* Xét lời trình bày của anh C xác định, anh C và chị H không có con chung, tài sản chung không có và không nợ chung ai. Tất cả các vấn đề này, anh C không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án dân sự theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm,

thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Do đó, anh C phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Hồng C và chị Phạm Thị H.
2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Phạm Hồng C phải nộp án phí ly hôn số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Số tiền này anh C được khấu trừ vào trong số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N_o 0007961 ngày 15 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.
4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.
5. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt nguyên đơn anh Phạm Hồng C, vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị H. Báo cho anh C có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Riêng chị H vắng mặt thì thời hạn trên được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ND + BD: 02;
- UBND xã L: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã ký tên và đóng dấu)

CAO MINH TÂN